

2 - Các dạng bài tập DT phân li Mendel

Câu 1: Câu nào sau đây là sai khi nói về phép lai thuận, nghịch?

- A. Phép lai thuận, nghịch đối với tính trạng do gen trong tế bào chất quy định thường cho kết quả khác nhau.
- B. Phép lai thuận, nghịch đối với tính trạng do gen liên kết giới tính quy định thường cho kết quả khác nhau.
- C. Phép lai thuận, nghịch có thể sử dụng để xác định các gen liên kết hoàn toàn hay không hoàn toàn (xảy ra hoán vị gen) ở mọi loài sinh vật.
- D. Trong một số phép lai tạo ưu thế lai, phép lai thuận có thể không cho ưu thế lai, nhưng phép lai nghịch cho ưu thế lai, và ngược lại.

Câu 2: Giữa biến dị tổ hợp và đột biến gen có điểm nào khác nhau?

- 1. đột biến gen làm gen thay đổi cấu trúc còn biến dị tổ hợp thì không.
- 2. nguyên nhân của đột biến gen là do tác nhân môi trường còn biến dị tổ hợp là do sự tổ hợp lại VCDT vốn có ở bố mẹ cho con thông qua giảm phân và thụ tinh.
- 3. đối với tiến hóa của loài thì đột biến gen có vai trò quan trọng hơn; đột biến gen xuất hiện đột ngột, gián đoạn còn biến dị tổ hợp có thể định hướng trước.

Đáp án đúng:

- A. 1, 2, 3
- B. 2, 3
- C. 2, 1
- D. 1, 3

Câu 3: Ở cừu, alen B qui định lông màu đen là trội hoàn toàn so với alen b qui định lông màu trắng ở trên NST thường. Khi thấy một con cừu có màu lông đen, như vậy ta đã biết được

- A. kiểu hình của cha và mẹ nó.
- B. kiểu hình về màu lông của nó.
- C. kiểu gen của cha và mẹ nó.
- D. kiểu gen về màu lông của nó.

Câu 4: Trong trường hợp trội hoàn toàn, khi lai giữa 2 bố mẹ thuần chủng khác nhau 1 cặp tính trạng tương phản sau đó cho F1 tự thụ phấn hoặc giao phấn thì ở F2 sẽ xuất hiện tỉ lệ kiểu hình phân tính là :

- A. 3 : 1
- B. 1 : 1
- C. 1 : 2 : 1
- D. 1 : 1 : 1 : 1

Câu 5: Ở cà chua, gen quy định quả màu đỏ là trội hoàn toàn so với gen quy định quả màu vàng. Người ta tiến hành lai giữa hai dòng thuần có kiểu hình quả đỏ (bố) với quả vàng (mẹ), thu được F1. Sau đó cho các cây F1 lai với cây bố gọi là phép lai A và với cây mẹ gọi là phép lai B. Tỉ lệ kiểu hình mong đợi thu được từ phép lai A và B lần lượt là:

- A. 50% quả màu đỏ : 50% quả màu vàng ; 100% quả màu đỏ
- B. 100% quả màu đỏ ; 100% quả màu vàng
- C. 50% quả màu đỏ : 50% quả màu vàng ; 100% quả màu vàng
- D. 100% quả màu đỏ ; 50% quả màu đỏ : 50% quả màu vàng

Câu 6: Ở cà chua, tính trạng màu quả do một lôcut gen gồm 2 alen quy định. Trong đó alen quy định quả màu đỏ là trội hoàn toàn so với alen quy định màu vàng. Giả sử tiến hành lai giữa một cây đồng hợp tử quả đỏ với một cây quả vàng và thu được F1. Cho các cây F1 lai với nhau (phép lai C) và cây các F1 lai với cây quả vàng (phép lai D). Tỉ lệ kiểu hình thu được từ phép lai C và D lần lượt là :

- A. 50% đỏ : 50% vàng ; 100% vàng.
- B. 100% quả đỏ ; 50% đỏ : 50% vàng.

C. 100% đỏ ; 75% đỏ : 25%vàng.

D. 75% đỏ : 25% vàng ; 50% đỏ : 50% vàng.

Câu 7: Một bệnh di truyền ở người là phenylketonuria do gen lặn p nằm trên nhiễm sắc thể thường qui định. Nếu kết hôn giữa 2 người bình thường nhưng đều mang gen bệnh thì xác suất để sinh họ đứa con đầu lòng bình thường nhưng mang gen bệnh là

A. $\frac{3}{4}$

B. $\frac{1}{4}$

C. $\frac{2}{3}$

D. $\frac{1}{2}$

Câu 8: Gen nằm trên nhiễm sắc thể thường, A quy định hoa vàng trội hoàn toàn so với a quy định hoa trắng. Tiến hành lai giữa cây hoa vàng với cây hoa trắng thì ở F1 thu được các cây hoa vàng và các cây hoa trắng, sau đó cho các cây F1 tạp giao, ở F2 sẽ thu được tỉ lệ phân tính gồm:

A. 15cây hoa vàng : 1 cây hoa trắng.

B. 9 cây hoa trắng : 7 cây hoa vàng.

C. 3 cây hoa vàng : 1 cây hoa trắng.

D. 1 cây hoa vàng : 1 cây hoa trắng

Câu 9: Gen nằm trên NST thường, A quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với a quy định hoa vàng. Tiến hành lai hai cây hoa đỏ với nhau, ở F1 được toàn cây hoa đỏ, sau đó cho các cây F1 tạp giao, ở F2 thu được cả cây hoa đỏ lẫn cây hoa vàng với tỉ lệ phân tính là

A. 3 cây hoa đỏ: 1 cây hoa vàng

B. 15 cây hoa đỏ: 1 cây hoa vàng

C. 9 cây hoa đỏ : 7 cây hoa vàng

D. 1 cây hoa đỏ :1 cây hoa vàng

Câu 10: Kiểu gen của cá chép kính là Aa, cá chép vẩy là aa, kiểu gen đồng hợp AA làm trứng không nở. Phép lai giữa các cá chép kính với nhau cho kết quả là

A. 3 cá chép kính : 1 cá chép vẩy.

B. 1 cá chép kính : 1 cá chép vẩy.

C. toàn cá chép kính.

D. 2 cá chép kính : 1 cá chép vẩy.

Câu 11: Một loài ruồi có kiểu hình cánh xẻ. Kiểu hình này được quy định bởi một gen gồm 2 alen, được gọi là alen kiểu dại và alen cánh xẻ. Trong phép lai giữa các cá thể ruồi có kiểu hình cánh xẻ với nhau, tỉ lệ phân li kiểu hình là 2 cánh xẻ : 1 kiểu dại. Điều này chứng tỏ

A. alen cánh xẻ là alen lặn

B. đây là một ví dụ về hiện tượng tương tác gen

C. ruồi cánh xẻ có kiểu gen đồng hợp tử về alen cánh xẻ

D. đây là một ví dụ về alen gây chết ở trạng thái đồng hợp tử

Câu 12: Ở người, kiểu gen HbSHbS: thiếu máu nặng và chết trước khi trưởng thành - HbSHbs: sống bình thường - HbSHbs: thiếu máu nhẹ vẫn sống bình thường. Cặp bố mẹ có khả năng sinh con thiếu máu nặng là

A. bố HbSHbS × mẹ HbSHbS.

B. mẹ HbSHbS × bố HbSHbs.

C. bố HbSHbs × mẹ HbsHbs.

D. bố HbSHbs × mẹ HbSHbs.

Câu 13: Ở người tính trạng nhóm máu do một gen có 3 alen (I^A , I^B , I^O) chi phối, trong đó $I^A = I^B$ và $I^A, I^B > I^O$. Hai anh em sinh đôi cùng trứng, người anh lấy vợ có nhóm máu A, sinh con có nhóm máu B; người em lấy vợ có nhóm máu B sinh con có nhóm máu A. Kiểu gen của hai anh em là

A. $I^B I^B$.

B. $I^A I^A$.

C. $I^B I^O$.

D. $I^A I^B$.

Câu 14: Ở người nhóm máu A được quy định bởi các kiểu gen: $I^A I^A$, $I^A I^O$; nhóm máu B được quy định bởi các kiểu gen $I^B I^B$, $I^B I^O$; nhóm máu AB được quy định bởi các kiểu gen $I^A I^B$; nhóm máu O được quy định bởi kiểu gen $I^O I^O$. Để các con sinh ra có đủ 4 loại nhóm máu thì kiểu gen của một trong 2 bố mẹ là

A. $I^A I^A$.

B. $I^O I^O$.

C. $I^A I^B$.

D. $I^A I^O$.

Câu 15: Ở người, nhóm máu ABO do 3 gen alen I^A , I^B , I^O quy định, nhóm máu A được quy định bởi các kiểu gen $I^A I^A$, $I^A I^O$, nhóm máu B được quy định bởi các kiểu gen $I^B I^B$, $I^B I^O$, nhóm máu O được quy định bởi kiểu gen $I^O I^O$, nhóm máu AB được quy định bởi kiểu gen $I^A I^B$. Mẹ có nhóm máu AB, sinh con có nhóm máu AB. Nhóm máu nào dưới đây chắc chắn không phải của người bố ?

A. Nhóm máu B.

B. Nhóm máu O.

C. Nhóm máu AB.

D. Nhóm máu A.

Câu 16: Ở người nhóm máu ABO do 3 gen alen I^A , I^B , I^O quy định, nhóm máu A được quy định bởi các kiểu gen $I^A I^A$, $I^A I^O$, nhóm máu B được quy định bởi các kiểu gen $I^B I^B$, $I^B I^O$, nhóm máu O được quy định bởi kiểu gen $I^O I^O$, nhóm máu AB được quy định bởi kiểu gen $I^A I^B$. Mẹ có nhóm máu B, sinh con có nhóm máu O. Người có nhóm máu nào dưới đây không thể là bố đứa bé ?

A. Nhóm máu A.

B. Nhóm máu AB.

C. Nhóm máu B.

D. Nhóm máu O.

Câu 17: Một người đàn ông có nhóm máu O lấy một người vợ có nhóm máu A. sinh ra một đứa con có nhóm máu A và một đứa con có nhóm máu O. Câu nào sau đây sai ?

A. Bố có kiểu gen $I^O I^O$

B. Mẹ có kiểu gen $I^A I^A$

C. Đứa trẻ thứ nhất có kiểu gen $I^A I^O$

D. Đứa trẻ thứ hai có kiểu gen $I^O I^O$

Câu 18: Trong trường hợp trội không hoàn toàn, khi lai giữa 2 bố mẹ thuần chủng khác nhau 1 cặp tính trạng tương phản sau đó cho F_1 tự thụ phấn hoặc giao phấn thì ở F_2 sẽ xuất hiện tỉ lệ phân tính:

A. 1 : 2 : 1

B. 3 : 1

C. 1 : 1

D. 1 : 1 : 1 : 1

Câu 19: Ở cây bông phần, màu hoa do 1 gen qui định. Lai cây hoa đỏ với cây hoa trắng thu được F_1 toàn hoa hồng. Tiến hành lai giữa 2 cây hoa màu hồng với nhau sẽ thu được ở thế hệ lai

A. 3 hồng : 1 đỏ.

B. 1 đỏ : 2 hồng : 1 trắng.

C. toàn hồng.

D. 3 hồng : 1 trắng.

Câu 20: Đột biến mắt trắng ở ruồi giấm do một gen lặn nằm trên NST giới tính X, không có alen trên Y. Trong một quần thể ruồi giấm tồn tại tối đa bao nhiêu kiểu gen về tính trạng trên?

A. 5

B. 3

C. 2

D. 4

Câu 21: Với 2 alen A và a nằm trên nhiễm sắc thể thường, gen trội là trội hoàn toàn. Có bao nhiêu phép lai giữa các kiểu gen của 2 alen nói trên cho thế hệ lai đồng tính ?

A. 3 phép lai.

B. 4 phép lai.

C. 1 phép lai.

D. 2 phép lai.

Câu 22: Ở người, màu mắt do 1 gen nằm trên NST thường qui định. Bố mắt nâu, mẹ mắt nâu, sinh con có đứa mắt nâu, có đứa mắt xanh, kiểu gen của bố mẹ là

A. đều dị hợp.

B. đều đồng hợp trội.

C. bố đồng hợp, mẹ dị hợp.

D. bố dị hợp, mẹ đồng hợp.

Câu 23: Với 2 alen A và a nằm trên nhiễm sắc thể thường. Nếu không phân biệt giới tính, trong quần thể sẽ có bao nhiêu kiểu giao phối khác nhau giữa các cá thể mang các kiểu gen của 2 alen nói trên ?

A. 2 kiểu.

B. 6 kiểu.

C. 3 kiểu.

D. 4 kiểu.

Câu 24: Một gen có 3 alen nằm trên nhiễm sắc thể thường. Trong quần thể sẽ có bao nhiêu kiểu gen khác nhau về các alen nói trên ?

A. 8 kiểu gen.

B. 6 kiểu gen.

C. 3 kiểu gen.

D. 4 kiểu gen.

Câu 25: Màu lông ở trâu do một gen quy định. Một trâu đực trắng (1) giao phối với một trâu cái đen (2) đẻ lần thứ nhất ra một nghé trắng (3) . Đẻ lần thứ hai ra một nghé đen (4) . Con nghé đen lớn lên giao phối với trâu đực đen (5) . Sinh ra một con nghé trắng (6) .

Kiểu gen của 6 con nghé theo thứ tự là

A. aa, Aa, aa, Aa, Aa, aa

- B. Aa, Aa,aa,Aa,AA,aa
 C. Aa,AA hoặc Aa,aa,Aa,AA,aa
 D. Aa, Aa,aa,Aa,AA hoặc ,aa

ĐÁP ÁN & LỜI GIẢI CHI TIẾT

Câu 1: C

Phép lai được sử dụng để xác định gen liên kết hoàn toàn hay không hoàn toàn và để xác định tần số hoán vị gen là phép lai phân tích

Câu 2: D

Điểm khác nhau giữa biến dị tổ hợp và đột biến gen là

đột biến gen làm gen thay đổi cấu trúc còn biến dị tổ hợp thì không

giải thích: đột biến gen là các biến đổi trong gen, làm gen thay đổi cấu trúc còn biến dị tổ hợp thì chỉ là tổ hợp lại vật chất di truyền, không hề tác động đến gen

Nguyên nhân của đột biến gen là do tác nhân môi trường, hoặc do yếu tố nội bào còn biến dị tổ hợp là do sự tổ hợp lại VCDT vốn có ở bố mẹ cho con thông qua giảm phân và thụ tinh đối với tiến hóa của loài thì đột biến gen có vai trò quan trọng hơn. => 2 sai

Đột biến gen là nguồn cung cấp nguyên liệu chủ yếu cho tiến hóa, làm tăng tính đa hình của quần thể còn biến dị tổ hợp mang tính phát tán đột biến, trung hòa đột biến từ đó làm tăng tính đa hình quần thể

Câu 3: B

Khi thấy một con cừu lông màu đen, trước hết ta biết được kiểu hình của nó : màu đen. Xong kiểu gen của nó thì ta không thể biết được vì có thể đó là BB cũng có thể là Bb

Câu 4: A

Trội hoàn toàn, quy ước A trội hoàn toàn so với a, giữa 2 bố mẹ thuần chủng khác nhau 1 cặp tính trạng tương phản, ta có phép lai:

P : AA x aa

F1: Aa

F1 tự thụ

$$F2 : \frac{1}{4}AA : \frac{2}{4}Aa : \frac{1}{4}aa$$

Kiểu hình : 3 A- : 1aa

Câu 5: D

Giả gen gen qui định quả đỏ là A, trội hoàn toàn với gen qui định quả vàng là a

P: AA (đỏ t/c) x aa (vàng t/c)

F1: Aa

Phép lai A: AA x Aa

Đời con : $\frac{1}{2}AA : \frac{1}{2}Aa$ tức là 100% kiểu hình đỏ

Phép lai B: aa x Aa

Đời con: $\frac{1}{2}Aa : \frac{1}{2}aa$, kiểu hình là 1 đỏ : 1 vàng

Vậy tỉ lệ kiểu hình mong đợi thu được từ phép lai A và B lần lượt là:

100% quả màu đỏ: 50% quả màu đỏ : 50% quả màu vàng

Câu 6: D

Tính trạng màu quả do một lôcut gen gồm 2 alen quy định, gọi alen quy định quả màu đỏ là A trội hoàn toàn so với alen quy định màu vàng a

P : AA x aa

F1 : Aa

Phép lai C: F1 x F1 : Aa x Aa

Đời con : $\frac{1}{4}AA : \frac{2}{4}Aa : \frac{1}{4}aa$. Kiểu hình : 3 đỏ : 1 vàng

Phép lai D: Aa x aa

Đời con : $\frac{1}{2}Aa : \frac{1}{2}aa$. Kiểu hình 1 đỏ : 1 vàng

Vậy 75% đỏ : 25% vàng ; 50% đỏ : 50% vàng

Câu 7: C

Giả sử alen trội tương ứng mà không gây bệnh là A

Alen lặn gây bệnh là a

Nếu kết hôn giữa 2 người bình thường nhưng đều mang gen bệnh: Aa x Aa

Đời con có tỉ lệ theo lí thuyết: $\frac{1}{4}AA : \frac{2}{4}Aa : \frac{1}{4}aa$

Xác suất để sinh họ đưa con đầu lòng bình thường nhưng mang gen bệnh là $\frac{2}{3}$

Câu 8: B

A quy định hoa vàng trội hoàn toàn so với a quy định hoa trắng

Hoa vàng lai hoa trắng, đời con có cả hoa vàng lẫn hoa trắng chứng tỏ cây hoa vàng là cây dị hợp tử Aa, có chứa cả gen lặn.

P: Aa x aa

F1: $\frac{1}{2}Aa : \frac{1}{2}aa$

F1 x F1 : $\left(\frac{1}{2}Aa : \frac{1}{2}aa\right) \times \left(\frac{1}{2}Aa : \frac{1}{2}aa\right)$

Giao tử F1: $\frac{1}{4}A : \frac{3}{4}a$

F2: $\frac{7}{16}A- : \frac{9}{16}aa$

Vậy tỉ lệ phân tính là 7 vàng : 9 trắng

Câu 9: B

Do F2 có xuất hiện cây hoa vàng chứng tỏ ở thế hệ đầu tiên phải có chứa alen lặn a

Do F1 là 100% hoa đỏ nên phép lai sẽ là:

P : AA (đỏ) x Aa (đỏ)

F1: $\frac{1}{2}AA : \frac{1}{2}Aa$ (= 100% đỏ)

F1 x F1 : $\left(\frac{1}{2}AA : \frac{1}{2}Aa\right) \times \left(\frac{1}{2}AA : \frac{1}{2}Aa\right)$

Giao tử là $\frac{3}{4}A : \frac{1}{4}a$

F2 : $\frac{15}{16}$ A- : $\frac{1}{16}$ aa tương đương 15 đỏ : 1 vàng

Câu 10: D

Phép lai giữa các cá chép kính với nhau: Aa x Aa

Đời con : $\frac{1}{4}AA : \frac{2}{4}Aa : \frac{1}{4}aa$

Nhưng kiểu gen đồng hợp AA làm trứng không nở nên sẽ chia lại tỉ lệ đời con là

$\frac{2}{3}Aa : \frac{1}{3}aa$ aa hay 2 chép kính : 1 chép vảy

Câu 11: D

Lai giữa các cá thể ruồi có kiểu hình cánh xẻ với nhau, tỉ lệ phân li kiểu hình là 2 cánh xẻ : 1 kiểu đại

Đây không thuộc các tỉ lệ đặc biệt trong phép lai giữa các tính trạng được quy định bởi 1 gen có 2 alen như 3:1, 1:1, 1:2:1.

Như vậy, ở đời con đã có kiểu gen gây chết

Do tỉ lệ cánh xẻ lớn hơn kiểu đại, alen A qui định cánh xẻ trội hoàn toàn so với alen a qui định kiểu đại

Vậy phép lai: Aa x Aa

Đời con: $\frac{1}{4}AA : \frac{2}{4}Aa : \frac{1}{4}aa$

Xong tỉ lệ kiểu hình là 2 cánh xẻ : 1 kiểu đại tức là kiểu gen AA đã gây chết

Câu 12: D

A,B sai do HbSHbS chết trước tuổi trưởng thành nên không thể làm bố-mẹ được

Phép lai C, HbSHbs x HbsHbs cho đời con theo lí thuyết là $\frac{1}{2}$ HbSHbs : $\frac{1}{2}$ HbsHbs. Không xuất hiện kiểu gen của thiếu máu nặng loại

Phép lai D, HbS Hbs x HbSHbs, theo lí thuyết, đời con có $\frac{1}{4}$ khả năng sinh ra thiếu máu nặng HbSHbS

Câu 13: D

Sinh đôi cùng trứng, 2 người sẽ có cùng kiểu gen

Người anh lấy vợ nhóm máu A, sinh ra con có nhóm máu B chứng tỏ chứa alen I^B trong kiểu gen

Người em lấy vợ nhóm máu B, sinh con có nhóm máu A chứng tỏ chứa alen I^A trong kiểu gen

Vậy kiểu gen hai anh em là $I^A I^B$

Câu 14: D

Để con sinh ra có đủ 4 nhóm máu thì

Sinh nhóm máu O thì mỗi bên bố mẹ phải cho giao tử I^0

Mà sinh nhóm máu A hay B thì phải cho giao tử I^A hoặc I^B

Vậy kiểu gen hai bố mẹ là $I^A I^0$ và $I^B I^0$

Câu 15: B

Mẹ có nhóm máu AB, có thể cho các giao tử là I^A và I^B

Khi con sinh ra cũng có nhóm máu AB thì bên làm bố phải cho ít nhất một trong hai giao tử là I^A và I^B

Nhưng nếu bên làm bố có nhóm máu O thì đó chắc chắn không phải là con của ông ấy

Câu 16: B

Mẹ nhóm máu B, sinh con nhóm máu O thì bên làm bố chắc chắn phải cho giao tử I^0

Nhưng nếu bên làm bố có kiểu gen AB, chỉ có thể cho 2 giao tử là I^A và I^B thì đó không phải con của ông ấy

Câu 17: B

Người đàn ông có nhóm máu O, kiểu gen sẽ là I^0I^0 , chỉ có thể cho giao tử I^0

Vợ nhóm máu A, sinh ra 1 đứa nhóm máu A, 1 đứa nhóm máu O. vậy người vợ có kiểu gen là I^AI^0 để có khả năng cho 2 giao tử là I^A và I^0

Câu 18: A

Giả sử A trội không hoàn toàn so với a

Phép lai:

P: AA x aa

F1: Aa

F1 x F1: Aa x Aa

F2 : $\frac{1}{4}AA : \frac{2}{4}Aa : \frac{1}{4}aa$

Do trội không hoàn toàn nên tỉ lệ phân tính sẽ là 1:2:1

Câu 19: B

Do 1 gen quy định. Đỏ x trắng ra hồng

Vậy trường hợp này là trội không hoàn toàn: A qui định đỏ trội không hoàn toàn so với a qui định trắng

F1 Aa (hồng)

Aa x Aa

Đời con: $\frac{1}{4}AA : \frac{2}{4}Aa : \frac{1}{4}aa$

Tỉ lệ kiểu hình: 1 đỏ : 2 hồng : 1 trắng

Câu 20: A

Đột biến mất trắng là gen lặn vậy gen qui định kiểu hình bình thường là gen trội. vậy có 2 alen qui định tính trạng này

Số kiểu gen tối đa về tính trạng trên là $2 + C_2^2 + 2 = 5$

Câu 21: B

Thế hệ lai đồng tính là đồng trội hoặc đồng lặn

Đồng trội có các phép lai:

AA x AA

AA x Aa

AA x aa

Đồng lặn có các phép lai:

aa x aa

Câu 22: A

Do bố mắt nâu, mẹ mắt nâu, sinh con có mắt nâu, có mắt xanh, tức là gen qui định kiểu hình mắt xanh là gen lặn, ở đời bố mẹ không biểu hiện mà đến đời con thì biểu hiện ở trạng thái đồng hợp

Vậy bố, mẹ đều dị hợp

Câu 23: B

Do gen nằm trên NST thường, giới đực và giới cái đều sẽ có 3 loại kiểu gen

Vậy số kiểu giao phối khác nhau giữa các cá thể mang các kiểu gen của 2 alen nói trên là 6

AA x AA, AA x Aa, AA x aa, Aa x Aa, Aa x aa, aa x aa

Câu 24: B

Một gen có 3 alen nằm trên nhiễm sắc thể thường. Trong quần thể sẽ có số kiểu gen khác nhau về các alen nói trên là $3 + C_3^2 = 6$

Câu 25: A

(4) đen x (5) đen $\Rightarrow$ nghé trắng (6)

$\Rightarrow$ gen quy định màu đen trội hoàn toàn so với gen quy định màu trắng

Vậy gen A qui định đen trội hoàn toàn so với a qui định trắng. Vậy sơ đồ lai:

P: (1) aa x (2) Aa

F1: (3) aa; (4) Aa

(4) Aa x (5) A-

Đời con : (6) aa

ở 5 mang kiểu gen Aa